TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI

Bản án số: **10**/2025/HS-ST
Ngày: 18-7-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài
Ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân Khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Tống Lê D, sinh ngày 02/11/1995 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT và chỗ ở: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Nai).

CCCD số 075295009862, cấp ngày 21/9/2022
Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 10/12
Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Phật giáo Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Tống Văn Y và bà Thái Thị M.
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.
Vợ, con: Chưa có.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị giam giữ từ ngày 06/11/2024. (Có mặt)

2. Tống Lê Duy K, sinh ngày 25/12/2000 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT và chỗ ở: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Nai).

CCCD số 075200002875, cấp ngày 21/9/2022
Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 10/12
Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Phật giáo Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Tống Văn Y và bà Thái Thị M.
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị giam giữ từ ngày 06/11/2024. (Có mặt)

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/12/1999 tại thành phố Hà Nội.

HKTT: Xóm 1 Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (cũ), thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp Bàu Cá, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai).

CCCD số 001099022474

Nghề nghiệp: Thợ tóc Trình độ học vấn: 9/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Không Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị Thu H.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị giam giữ từ ngày 06/11/2024. (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Thái Thị M, sinh năm 1970; Trú tại: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Nai).(Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 2004; Trú tại: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 45 phút, ngày 05/11/2024, Công an huyện T (cũ) kiểm tra điểm kinh doanh NET "Anh Tuấn G", ở ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cũ). Tại đây, tiến hành kiểm tra test nhanh chất ma túy đối với Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T thì tất cả đều dương tính với ma túy đá. Qua làm việc, các bị cáo khai nhận đã cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy vào trưa ngày 05/11/2024 tại nhà của D và K ở ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cũ). Tiến hành kiểm tra nơi ở của D và K tại nhà bà Thái Thị M làm chủ (mẹ ruột của D và K), phát hiện dưới gầm giường ở phòng khách có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa có nắp chai đục lỗ gắn 01 ống hút, 01 nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh có bám dính chất màu trắng đục và 01 bật lửa gas. D, K và T khai đây là bộ dụng cụ D, K và T dùng để sử dụng vào trưa ngày 05/11/2024.

Quá trình điều tra xác định: Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T là bạn bè, tất cả đều sử dụng ma túy và đã nhiều lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào đầu tháng 6/2024 (không nhớ ngày cụ thể), do có nhu cầu sử dụng ma túy nên D nói với K mua ma túy đá về sử dụng, K đồng ý và liên hệ với nam thanh niên tên Anh (không rõ nhân thân, lai lịch) thông qua số

điện thoại, K đặt mua một gói ma túy đá với số tiền 200.000 đồng. Sau đó, K nói D đi đến khu vực ngã 3 Hầm Đ thuộc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cũ) để lấy ma túy, D đi đến địa điểm trên và gặp người thanh niên, D đưa số tiền 200.000 đồng thì người thanh niên đưa cho D 01 gói ma túy đá. Sau đó, D mang về nhà rồi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra và cho ma túy vào nỏ thủy tinh, dùng bật lửa đốt nóng làm cho ma túy hóa hơi rồi cùng sử dụng với K. Khi D với K đang sử dụng ma túy thì có T đến chơi, thấy D và K đang sử dụng ma túy thì T đến cùng tham gia sử dụng ma túy.

- *Lần thứ hai:* Vào tháng 7/2024 (không nhớ ngày cụ thể), K và T mỗi người góp 100.000 đồng đi mua ma túy đá. Sau đó, K liên hệ với nam thanh niên tên Anh thông qua số điện thoại để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy thì K mang về nhà của mình. Tại đây, D lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai nhựa có nắp đục 02 lỗ có gắn ống hút và cho ma tuý vào nỏ thủy tinh rồi dùng quẹt gas đốt lên để cả ba cùng nhau sử dụng.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng đầu tháng 08/2024 (không nhớ ngày cụ thể), khi D và K đang ở nhà thì T đến chơi. Tại đây, T, D và K bàn bạc góp tiền mua ma túy sử dụng chung, T góp 150.000 đồng, K góp 50.000 đồng. Sau đó, K liên hệ với nam thanh niên tên Anh thông qua số điện thoại để hỏi mua ma túy. Sau đó, K cùng với T đi mua ma túy. Sau khi mua được ma túy về thì có D ở nhà, D lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa có nắp đục 02 lỗ gắn ống hút và đổ ma tuý vào nỏ thủy tinh, dùng quẹt gas hơ nóng rồi T cùng với K và D thay phiên nhau sử dụng ma túy tại phòng khách nhà K, D.

- *Lần thứ tư:* Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/11/2024, D và K đang ở nhà thì rủ nhau sử dụng ma túy. K liên hệ với nam thanh niên tên Anh thông qua số điện thoại, còn D ở nhà chờ. Khoảng 10 phút sau, K mang về 01 gói nylon chứa ma túy đá, lúc này D lấy từ dưới gầm giường ở phòng khách ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, trên nắp chai gắn 01 ống hút nhựa và 01 nó thủy tỉnh; 01 bật lửa gas đặt ra nền phòng khách. K đưa gói ma túy đá cho D, D xé gói nylon và cho ma túy vào trong nỏ thủy tinh rồi dùng bật lửa gas đốt nóng làm cho ma túy hóa hơi. Sau đó, K và D thay phiên nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T đến chơi thấy D và K đang sử dụng ma túy nên T cùng tham gia sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi sử dụng ma túy xong thì D cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào dưới gầm giường ở phòng khách. D và K đi ngủ còn T đi về. Khoảng 23 giờ cùng ngày, D cùng K và T rủ nhau đi chơi game tại quán nét "Anh Tuấn G1", thì Công an kiểm tra, phát hiện sự việc như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 2254/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất màu vàng đục bám dính trong 01 nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vết, không xác định được khối lượng.

Ngày 14/11/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện T (cũ) đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 187/CT-VKS-TB ngày 23/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Đồng Nai) truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Đồng Nai) để xét xử đối với các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Tống Lê D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, Tống Lê Duy K từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù và Nguyễn Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì niêm phong ma túy sau giám định số 2254/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ; 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa gas màu trắng, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiêu Oppo màu đen, gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A04 màu đen, gắn sim và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu vàng, gắn sim đều là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha exciter, biển số 60H1-292.52, số khung: RLCUG1010KY241834, số máy: G3D4E1012865 thu giữ của T. T khai, đây là xe mượn của Nguyễn Văn T1 (em ruột của T). Xe do T1 mua lại của Phan Lày C nhưng chưa làm thủ tục sang tên, T sử dụng xe vào việc phạm tội thì T1 không biết. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom (cũ) đã trả xe mô tô nói trên cho T1.

- Đối với xe mô tô hiệu LIFAN, biển số 60Y5-4468, số khung: RL8WCHNHTA1000113, số máy: VLF1P52FMH3A000113, thu giữ của D. Quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô của bà Thái Thị M (mẹ của D), bà M mua xe này vào năm 2020 của Nguyễn Ngọc Â, chưa làm thủ tục sang tên. Việc K và D tự lấy xe sử dụng để đi mua ma túy thì bà M không biết nên Viện kiểm sát nhân dân huyên Trảng Bom (cũ) đã trả lại cho bà M.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K là anh em ruột và bị cáo Nguyễn Văn T đều là những đối tượng không có việc làm ổn định, có sử dụng ma túy. Nên các bị cáo đã nhiều lần góp tiền chung, mua ma túy của đối tượng tên Anh (không rõ nhân thân, lai lịch), chuẩn bị bộ D1 để thực hiện 04 lần hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà riêng của bà Thái Thị M (mẹ bị cáo D và K) ở ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Nai) vào khoảng đầu tháng 6, 7, 8/2024 và vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/11/2024. Khi Công an đã tiến hành kiểm tra nhà bà M ngày 06/11/2024, phát hiện và thu giữ bộ dụng cụ sử dụng ma tuý, trong đó có 01 chai nhựa có nắp chai đục lỗ gắn 01 ống hút, 01 nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh có bám dính chất màu trắng đục và 01 bật lửa gas. Theo kết luận giám định số 2254/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất màu vàng đục bám dính trong 01 nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vết, không xác định được khối lượng. Do đó, các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và pháp luật quy định nghiêm cấm các hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức. Các bị cáo có đủ năng lực để nhận biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe thể chất và tinh thần con người, gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần có một mức án đủ nghiêm đối với các bị cáo, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Trong đó, bị cáo D và K sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm tập trung, góp tiền để mua ma tuý và chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng; bị cáo T đã 02 lần góp tiền mua ma túy sử dụng chung nên cần xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo là ngang nhau.

[5] Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 phong bì niêm phong mẫu vật (01 nỏ thủy tinh) sau giám định số 2254/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ và 01 (một) chai nhựa và 01 ống hút nhựa; 01 (một) bật lửa gas màu trắng là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

[6.2] Đối với 01 điện thoại di động hiêu Oppo màu đen, kèm sim (thu giữ của T); 01 điện thoại di động hiệu Samsung A04 màu đen, kèm sim (thu giữ của D) và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu vàng, kèm sim (thu giữ của K) là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6.3] Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha exciter, biển số 60H1-292.52, số khung: RLCUG1010KY241834, số máy: G3D4E1012865 (thu giữ của T) là xe của Nguyễn Văn T1 (em ruột của T) mua lại của Phan Lày C nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 05/11/2024, T mượn xe mô tô trên của T1 để sử dụng vào việc phạm tội thì T1 không biết nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đã trả lại cho T1 là phù hợp.

[6.4] Đối với xe mô tô hiệu LIFAN, biển số 60Y5-4468, số khung: RL8WCHNHTA1000113, số máy: VLF1P52FMH3A000113 (thu giữ của bị cáo D) là xe của bà Thái Thị M (mẹ của D, K) mua của Nguyễn Ngọc Â nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 05/11/2024, bà M đi làm, K và D tự lấy xe sử dụng để đi mua ma túy thì bà M không biết nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã trả lại xe cho bà M là phù hợp.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với thanh niên tên Anh (không rõ nhân thân lai lịch) đã bán ma túy cho các bị cáo tại khu vực ngã ba H thuộc ấp B, xã T, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai, do chưa có đầy đủ thông tin để xác minh truy xét, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là đúng theo quy định.

[8.2] Đối với bà Thái Thị M là chủ nhà nơi các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy không biết về sự việc này nên không xử lý.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Tống Lê D **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2024.

Xử phạt bị cáo Tống Lê Duy K **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2024.

2. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy 01 nỏ thủy tinh được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định số 2254/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa gas màu trắng.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiêu Oppo màu đen, kèm sim có số seri 8401 2406 9205 2883; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A04 màu đen, kèm sim có số seri 8984 04800 09150 23189 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu vàng, kèm sim có số seri 8984 04800 03323 39363.

(Tất cả vật chứng trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai)).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tống Lê D, Tống Lê Duy K và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Các đương sự;
- UBND và CA xã nơi b/c cư trú;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND KV3-Đồng Nai;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Phòng PV06-CA T. Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 1-CA T. Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam KV Trảng Bom;
- THADS T.Đồng Nai;
- P. THADS KV3-Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thùy Dung